HIỆP ĐỊNH

GIỮA

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA

VỀ PHÂN ĐỊNH LÃNH HẢI, VÙNG ĐẶC QUYỀN KINH TẾ VÀ THỀM LỤC ĐỊA CỦA HAI NƯỚC TRONG VỊNH BẮC BỘ

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (dưới đây gọi là "hai Bên ký kết");

Nhằm củng cố và phát triển mối quan hệ láng giềng hữu nghị truyền thống giữa hai nước và nhân dân hai nước Việt Nam và Trung Quốc, giữ gìn và thúc đẩy sự ổn định và phát triển của Vịnh Bắc Bộ;

Trên cơ sở các nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không xâm phạm lẫn nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi, cùng tồn tại hòa bình;

Trên tinh thần thông cảm, nhân nhượng lẫn nhau, hiệp thương hữu nghị và giải quyết một cách công bằng, hợp lý vấn đề phân định Vịnh Bắc Bộ;

Đã thỏa thuận như sau:

ĐIỀU I

1. Hai Bên ký kết căn cứ vào Công ước của Liên hợp quốc về luật Biển năm 1982, các nguyên tắc luật pháp và thực tiễn quốc tế được công nhận, trên cơ sở suy xét đầy đủ mọi hoàn cảnh hữu quan trong Vịnh Bắc Bộ, theo nguyên tắc công bằng, qua thương lượng hữu nghị đã phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của hai nước trong Vịnh Bắc Bộ.

2. Trong Hiệp định này, Vịnh Bắc Bộ là vịnh nửa kín được bao bọc ở phía Bắc bởi bờ biển lãnh thổ đất liền của hai nước Việt Nam và Trung Quốc, phía Đông bởi bờ biển bán đảo Lôi Châu và đảo Hải Nam của Trung Quốc, phía Tây bởi bờ biển đất liền Việt Nam và giới hạn phía Nam bởi đoạn thẳng nối liền từ điểm nhô ra nhất của mép ngoài cùng của mũi Oanh Ca - đảo Hải Nam của Trung Quốc có tọa độ địa lý là vĩ tuyến 18° 30' 19" Bắc, kinh tuyến 108° 41' 17" Đông, qua đảo Cồn Cỏ của Việt Nam đến một điểm trên bờ biển của Việt Nam có tọa độ địa lý là vĩ tuyến 16° 57' 40" Bắc và kinh tuyến 107° 08' 42" Đông.

Hai Bên ký kết xác định khu vực nói trên là phạm vi phân định của Hiệp định này.

ĐIỀU II

Hai Bên ký kết đồng ý đường phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa giữa hai nước trong Vịnh Bắc Bộ được xác định bằng 21 điểm nối tuần tự với nhau bằng các đoạn thẳng, tọa độ địa lý của 21 điểm này như sau :

Điểm số 1 : Vĩ độ 21° 28' 12".5 Bắc
Kinh độ 108° 06' 04".3 Đông

Điểm số 2 :	Vĩ độ	21° 28' 01".7 Bắc
	Kinh độ	108° 06' 01".6 Đông
Điểm số 3 :	Vĩ độ	21° 27' 50".1 Bắc
	Kinh độ	108° 05' 57".7 Đông
Điểm số 4 :	Vĩ độ	21° 27' 39".5 Bắc
	Kinh độ	108° 05' 51".5 Đông
Điểm số 5 :	Vĩ độ	21° 27' 28".2 Bắc
	Kinh độ	108° 05' 39".9 Đông
Điểm số 6 :	Vĩ độ	21° 27' 23".1 Bắc
	Kinh độ	108° 05' 38".8 Đông
Điểm số 7 :	Vĩ độ	21° 27' 08".2 Bắc
	Kinh độ	108° 05' 43".7 Đông
Điểm số 8 :	Vĩ độ	21° 16' 32" Bắc
	Kinh độ	108° 08' 05" Đông
Điểm số 9 :	Vĩ độ	21° 12' 35" Bắc
	Kinh độ	108° 12' 31" Đông
Điểm số 10 :	Vĩ độ	20° 24' 05" Bắc
	Kinh độ	108° 22' 45" Đông
Điểm số 11 :	Vĩ độ	19° 57' 33" Bắc
	Kinh độ	107° 55' 47" Đông

Điểm số 12 :	Vĩ độ	19° 39' 33" Bắc
	Kinh độ	107° 31' 40" Đông
Điểm số 13 :	Vĩ độ	19° 25' 26" Bắc
	Kinh độ	107° 21' 00" Đông
Điểm số 14 :	Vĩ độ	19° 25' 26" Bắc
	Kinh độ	107° 12' 43" Đông
Điểm số 15 :	Vĩ độ	19° 16' 04" Bắc
	Kinh độ	107° 11' 23" Đông
Điểm số 16 :	Vĩ độ	19° 12' 55" Bắc
	Kinh độ	107° 09' 34" Đông
Điểm số 17 :	Vĩ độ	18° 42' 52" Bắc
	Kinh độ	107° 09' 34" Đông
Điểm số 18 :	Vĩ độ	18° 13' 49" Bắc
	Kinh độ	107° 34' 00" Đông
Điểm số 19 :	Vĩ độ	18° 07' 08" Bắc
	Kinh độ	107° 37' 34" Đông
Điểm số 20 :	Vĩ độ	18° 04' 13" Bắc
	Kinh độ	107° 39' 09" Đông
Điểm số 21 :	Vĩ độ	17° 47' 00" Bắc
	Kinh độ	107° 58' 00" Đông

ĐIỀU III

1. Đường phân định từ điểm số 1 đến điểm số 9 quy định tại Điều II của Hiệp định này là biên giới lãnh hải của hai nước trong Vịnh Bắc Bộ.

2. Mặt thẳng đứng đi theo đường biên giới lãnh hải của hai nước quy định tại khoản 1 điều này phân định vùng trời, đáy biển và lòng đất dưới đáy biển của lãnh hải hai nước.

3. Mọi sự thay đổi địa hình đều không làm thay đổi đường biên giới lãnh hải hai nước từ điểm số 1 đến điểm số 7 quy định tại khoản 1 Điều này, trừ khi hai Bên ký kết có thỏa thuận khác.

ĐIỀU IV

Đường phân định từ điểm số 9 đến điểm số 21 quy định tại Điều II của Hiệp định này là ranh giới giữa vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của hai nước trong Vịnh Bắc Bộ.

ĐIỀU V

Đường phân định lãnh hải của hai nước quy định tại Điều II từ điểm số 1 đến điểm số 7 được thể hiện bằng đường màu đen trên bản đồ chuyên đề cửa sông Bắc Luân tỷ lệ 1:10.000 do hai Bên ký kết cùng nhau thành lập năm 2000. Đường phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của hai nước từ điểm số 7 đến điểm số 21 được thể hiện bằng đường màu đen trên Tổng đồ toàn diện Vịnh Bắc Bộ tỷ lệ 1:500.000 do hai Bên ký kết cùng nhau thành lập năm 2000. Các đường phân định này đều là đường trắc địa.

Bản đồ chuyên đề cửa sông Bắc Luân và Tổng đồ toàn diện Vịnh Bắc Bộ nói trên là bản đồ đính kèm Hiệp định. Các bản đồ trên sử dụng

hệ toạ độ ITRF-96. Các tọa độ địa lý của các điểm quy định tại Điều II Hiệp định này đều được xác định trên các bản đồ nói trên. Đường phân định quy định trong Hiệp định này được thể hiện trên các bản đồ kèm theo Hiệp định chỉ nhằm mục đích minh hoạ.

ĐIỀU VI

Hai Bên ký kết phải tôn trọng chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của mỗi Bên đối với lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa trong Vịnh Bắc Bộ được xác định theo Hiệp định này.

ĐIỀU VII

Trong trường hợp có các cấu tạo mỏ dầu, khí tự nhiên đơn nhất hoặc mỏ khoáng sản khác nằm vắt ngang đường phân định quy định tại Điều II của Hiệp định này, hai Bên ký kết phải thông qua hiệp thương hữu nghị để đạt được thỏa thuận về việc khai thác hữu hiệu nhất các cấu tạo hoặc mỏ khoáng sản nói trên cũng như việc phân chia công bằng lợi ích thu được từ việc khai thác.

ĐIỀU VIII

Hai Bên ký kết đồng ý tiến hành hiệp thương về việc sử dụng hợp lý và phát triển bền vững tài nguyên sinh vật ở Vịnh Bắc Bộ cũng như các công việc hợp tác có liên quan đến bảo tồn, quản lý và sử dụng tài nguyên sinh vật ở vùng đặc quyền kinh tế hai nước trong Vịnh Bắc Bộ.

ĐIỀU IX

Việc phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa hai nước trong Vịnh Bắc Bộ theo Hiệp định này không gây bất kỳ ảnh

hưởng hoặc phương hại nào đến lập trường của mỗi Bên ký kết đối với các quy phạm luật pháp quốc tế về luật Biển.

ĐIỀU X

Mọi tranh chấp giữa hai Bên ký kết liên quan đến việc giải thích hoặc thực hiện Hiệp định này phải được giải quyết thông qua hiệp thương và đàm phán hữu nghị.

ĐIỀU XI

Hiệp định này phải được hai Bên ký kết phê chuẩn và có hiệu lực kể từ ngày trao đổi các văn kiện phê chuẩn. Các văn kiện phê chuẩn được trao đổi tại Hà Nội.

Hiệp định này được ký tại Bắc Kinh, ngày 25 tháng 12 năm 2000 thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Việt và tiếng Trung, cả hai văn bản đều có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN TOÀN QUYỀN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	ĐẠI DIỆN TOÀN QUYỀN NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA
Nguyễn Dy Niên	Đường Gia Triền
Bộ trưởng Bộ Ngoại giao	Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

越南社会主义共和国和中华人民共和国关于两国在北部湾领海、专属经济区和大陆架的划界协定

越南社会主义共和国和中华人民共和国（以下简称“缔约双方”），为巩固和发展越中两国和两国人民之间的传统睦邻友好关系，维护和促进北部湾的稳定和发展，在相互尊重独立、主权和领土完整，互不侵犯，互不干涉内政，平等互利和和平共处的原则基础上，本着互谅互让、友好协商和公平合理地解决划分北部湾问题的精神，达成协议如下：

第 一 条

一、缔约双方根据一九八二年《联合国海洋法公约》，公认的国际法各项原则和国际实践，在充分考虑北部湾所有有关情况的基础上，按照公平原则，通过友好协商，确定了两国在北部湾的领海、专属经济区和大陆架的分界线。

二、在本协定中，“北部湾”系指北面为越南和中国两

国陆地领土海岸、东面为中国雷州半岛和海南岛海岸、西面为越南大陆海岸所环抱的半封闭海湾，其南部界限是自地理坐标为北纬18度30分19秒、东经108度41分17秒的中国海南岛莺歌嘴最外缘突出点经越南昏果岛至越南海岸上地理坐标为北纬16度57分40秒、东经107度08分42秒的一点之间的直线连线。

缔约双方确定，上述区域构成本协定的划界范围。

第 二 条

缔约双方同意，两国在北部湾的领海、专属经济区和大陆架分界线由以下21个界点以直线顺次连接确定，其地理坐标如下：

第1界点北纬21度28分12.5秒，东经108度06分04.3秒；

第2界点北纬21度28分01.7秒，东经108度06分01.6秒；

第3界点北纬21度27分50.1秒，东经108度05分57.7秒；

第4界点北纬21度27分39.5秒，东经108度05分51.5秒；

第5界点北纬21度27分28.2秒，东经108度05分39.9秒；

第6界点北纬21度27分23.1秒，东经108度05分38.8秒；

第7界点北纬21度27分08.2秒，东经108度05分43.7秒；

第8界点北纬21度16分32秒，东经108度08分05秒；

第9界点北纬21度12分35秒，东经108度12分31秒；
第10界点北纬20度24分05秒，东经108度22分45秒；
第11界点北纬19度57分33秒，东经107度55分47秒；
第12界点北纬19度39分33秒，东经107度31分40秒；
第13界点北纬19度25分26秒，东经107度21分00秒；
第14界点北纬19度25分26秒，东经107度12分43秒；
第15界点北纬19度16分04秒，东经107度11分23秒；
第16界点北纬19度12分55秒，东经107度09分34秒；
第17界点北纬18度42分52秒，东经107度09分34秒；
第18界点北纬18度13分49秒，东经107度34分00秒；
第19界点北纬18度07分08秒，东经107度37分34秒；
第20界点北纬18度04分13秒，东经107度39分09秒；
第21界点北纬17度47分00秒，东经107度58分00秒。

第 三 条

一、本协定第二条所规定的第1界点至第9界点的分界线是两国在北部湾的领海分界线。

二、本条第一款所规定的两国领海分界线沿垂直方向划分两国领海的上空、海床和底土。

三、除非缔约双方另有协议，任何地形变化不改变本

条第一款所规定的第1界点至第7界点的两国领海分界线。

第 四 条

本协定第二条所规定的第9界点至第21界点的分界线是两国在北部湾的专属经济区和大陆架的分界线。

第 五 条

本协定第二条所规定的第1界点至第7界点的两国领海分界线用黑线标绘在缔约双方于二OOO年共同测制的比例尺为一万分之一的北仑河口专题地图上，第7界点至第21界点的两国领海、专属经济区和大陆架分界线用黑线标绘在由缔约双方于二OOO年共同测制的比例尺为五十万分之一的北部湾全图上。上述分界线均为大地线。

上述北仑河口专题地图和北部湾全图为本协定的附图。上述地图采用ITRF－96坐标系。本协定第二条所规定各界点的地理坐标均系从上述地图上量取。本协定所规定的分界线标绘在本协定附图上，仅用于说明的目的。

第 六 条

缔约双方应相互尊重按照本协定所确定的两国各自在北部湾的领海、专属经济区和大陆架的主权、主权权利和管辖权。

第 七 条

如果任何石油、天然气单一地质构造或其他矿藏跨越本协定第二条所规定的分界线，缔约双方应通过友好协商就该构造或矿藏的最有效开发以及公平分享开发收益达成协议。

第 八 条

缔约双方同意就北部湾生物资源的合理利用和可持续发展以及两国在北部湾专属经济区的生物资源养护、管理和利用的有关合作事项进行协商。

第 九 条

两国根据本协定对北部湾领海、专属经济区和大陆架

分界线的划定对缔约各方有关海洋法方面国际法规则的立场不造成任何影响或妨害。

第 十 条

缔约双方对本协定的解释或适用所产生的任何争议，应通过友好协商和谈判予以解决。

第 十 一 条

本协定须经缔约双方批准，并自互换批准书之日起生效。批准书在河内互换。

本协定于二000年十二月二十五日在北京签订，一式两份，每份都用越文和中文写成，两种文本同等作准。

越南社会主义共和国
Việt nam 全 权 代 表

中华人民共和国
全 权 代 表